

Bản án số: 05/2017/DS-ST  
Ngày: 21-9-2017  
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Minh Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Ty.

Bà Nguyễn Thị Lợi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: Số 35, phố T, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1984; cư trú tại số 15A, Trung H1, phường Đ1, quận H1, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền số 607/2017/UQ-VPB ngày 02 tháng 4 năm 2017); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn M, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) do bà Trần Thị L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 05 tháng 9 năm 2013, Ngân hàng và ông Nguyễn M ký Hợp đồng tín dụng số 20130905-133016-0001. Theo nội dung hợp đồng Ngân hàng cho ông Nguyễn M vay số tiền 36.750.000 đồng (trong đó phí bảo hiểm là 1.750.000 đồng); mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay: 28 tháng; lãi suất vay: 3,75%/tháng; phương thức trả nợ: Trả góp gốc, lãi hàng tháng. Phạt chậm trả: Vào ngày thanh toán hàng tháng, nếu bên vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản trả hàng tháng thì bên vay sẽ phải chịu khoản tiền phạt chậm trả là 300.000 đồng/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn M vay số tiền 36.750.000 đồng. Ông Nguyễn M đã nhận đủ số tiền vay nhưng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ nợ gốc, lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn M thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Nguyễn M mới chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi trong hạn từ ngày 15 tháng 10 năm 2013 đến ngày 11 tháng 6 năm 2016 là 12.436.000 đồng (trong đó nợ gốc: 8.381.748 đồng, nợ lãi: 4.054.252 đồng).

Tính đến ngày 11 tháng 6 năm 2016, ông Nguyễn M còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc:	28.368.252 đồng
- Lãi trong hạn:	19.169.748 đồng
Tổng cộng:	47.538.000 đồng

Nay Ngân hàng đề nghị Toà án buộc ông Nguyễn M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 11 tháng 6 năm 2016 là: 47.538.000 đồng. Kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2017, ông Nguyễn M phải thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Đối với số tiền lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả từ thời điểm Ngân hàng giải ngân đến ngày 21 tháng 9 năm 2017 và số tiền lãi trong hạn từ ngày 11 tháng 6 năm 2016 đến ngày 21 tháng 9 năm 2017, Ngân hàng không yêu cầu ông Nguyễn M phải thanh toán cho Ngân hàng.

*Đối với bị đơn là ông Nguyễn M:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn M để ông đến Toà án nhân dân huyện A giải quyết việc Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã không đến Tòa án để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy báo, thông báo của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 3, Điều 26; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 14 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Nguyễn M. Buộc ông Nguyễn M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 47.538.000 đồng, trong đó nợ gốc là 28.368.252 đồng, nợ lãi là 19.169.748 đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2 Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp kiện đòi tiền cho vay". Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: "Tranh chấp Hợp đồng dân sự" nên theo quy định tại Khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng số 20130905-133016-0001 ngày 05 tháng 9 năm 2013 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn M đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, những người tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền, đủ năng lực pháp luật và hành vi dân sự, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho ông Nguyễn M vay số tiền 36.750.000 đồng. Ông Nguyễn M đã nhận đủ số tiền vay nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Do ông Nguyễn M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án theo Khoản 9.3, Điều 9 của hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc:

Căn cứ lời khai nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập đã xác định số tiền nợ gốc Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn M vay là 36.750.000 đồng. Ông Nguyễn M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 8.381.748 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc ông Nguyễn M còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 28.368.252 đồng và lãi phát sinh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông Nguyễn M phải trả khoản tiền nợ gốc 28.368.252 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: Tại nội dung của Hợp đồng tín dụng thì hàng tháng ngoài việc phải trả số tiền nợ gốc, ông Nguyễn M phải trả góp số tiền nợ lãi. Nên yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn M phải trả khoản nợ lãi trong hạn là có căn cứ.

Tính đến ngày 11 tháng 6 năm 2016, ông Nguyễn M còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 28.368.252 đồng và số lãi phát sinh theo nội dung hợp đồng là 19.169.748 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi ông Nguyễn M phải trả cho Ngân hàng là 47.538.000 đồng theo như yêu cầu của đại diện nguyên đơn đưa ra.

Kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2017, ông Nguyễn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 20130905-133016-0001 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Theo quy định của Hợp đồng tín dụng số 20130905-133016-0001 thì vào ngày thanh toán hàng tháng, nếu bên vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản phải trả hàng tháng thì bên vay sẽ phải chịu khoản tiền phạt chậm trả là 300.000 đồng/tháng. Ông Nguyễn M đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên đã phát sinh nợ quá hạn và phạt chậm trả lãi. Song tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm không yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn M phải thanh toán số tiền lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả từ thời điểm Ngân hàng giải ngân đến ngày 21 tháng 9 năm 2017 và số tiền lãi trong hạn từ ngày 11 tháng 6 năm 2016 đến ngày 21 tháng 9 năm 2017. Xét thấy, quan điểm của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 3, Điều 26; Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào các điều 388, 389, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào Khoản 16, Điều 4; các điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ vào Điều 6; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với ông Nguyễn.

Buộc ông Nguyễn M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 47.538.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu năm trăm ba mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 28.368.252 đồng, nợ lãi phát sinh tính đến ngày 11 tháng 6 năm 2016 là 19.169.748 đồng.

Kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2017, hàng tháng ông Nguyễn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 20130905-133016-0001 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Ông Nguyễn M phải chịu 2.376.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 1.188.450 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 4143 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Huế**



